Danh sách đơn vị

STT	Tên tỉnh	Số quyết định	Ngày công bố KQĐT	Ngày hết hạn thầu	Hình thức đấu thầu	Thông tư áp dụng	Tên gói thầu	Số lượng mặt hàng	Giá trị gói thầu (đồng)
1	**Đăk Lăk**								
	BV Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk	351/QĐ-BVYHCT	16092022	16092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	32	2.897.297.320
	Trung tâm y tế huyện Ea Kar	282/QĐ-TTYT	22092022	22092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	133	8.911.839.990
	TTYT huyện Krông Bông	120/QĐ-TTYT	05092022	05092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	113	7.044.454.050
	TTYT huyện Krông Bông	163/QĐ-TTYT	22092022	22092023	ĐTRR (Điều chỉnh giá)	TT15/2019/TT-BYT	Generic	4	94.184.000
	Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn	587/QĐ-TTYT	23092022	22092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	180	6.921.340.560
	Bệnh viện Đa Khoa TP. BMT	1002/QĐ-BVTP	13092022	12092022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Thuốc BDG	13	607.411.576
	Bệnh viện Đa Khoa TP. BMT	1041/QĐ-BVTP	23092022	23092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	335	28.541.105.090
	Trung tâm Y tế huyện Lắk	171/QĐ-TTYT	22072022	22072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Thuốc YHCT	9	821.040.000
	Bệnh viện Mắt	76/QD-BVM	23062022	23062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	BDG	5	264.315.500
	Bệnh viện Mắt	77/QD-BVM	23062022	23062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	26	1.259.642.810
	TTYT huyện Krông Ana	212/QĐ-TTYT	12092022	12092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Thuốc YHCT	18	2.472.268.800
2	**Ninh Bình**								
	TTYT huyện Yên Khánh	1302/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	26	1.042.432.734
	TTYT huyện Yên Khánh	1302/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	9	1.794.894.965
	TTYT huyện Yên Khánh	1302/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	8	538.633.401
	TTYT huyện Yên Khánh	1302/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	80	4.093.425.445
	TTYT huyện Yên Khánh	1302/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	3	185.122.100
	TTYT huyện Yên Mô	408/QĐ-TTYTYM	15082022	15082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	35	1.336.258.300
	TTYT huyện Yên Mô	408/QĐ-TTYTYM	15082022	15082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	17	1.945.143.500
	TTYT huyện Yên Mô	408/QĐ-TTYTYM	15082022	15082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	6	313.875.000
	TTYT huyện Yên Mô	408/QĐ-TTYTYM	15082022	15082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	85	3.479.462.700
	TTYT huyện Yên Mô	408/QĐ-TTYTYM	15082022	15082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	4	556.180.000
	BVĐK tỉnh Ninh Bình	1218/QĐ-BVĐK	12042022	12042023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Vị thuốc	83	471.546.300
	TTYT TP Ninh bình	114/QĐ-TTYT	17082022	17082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	12	718.080.516
	BV phổi	480/QĐ-BVP	17102022	13042023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	6	1.517.664.800
	BV Y học cổ truyền	409/QĐ-BVYHCT	19102022	19102023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Vị thuốc	9	2.168.145.000
3	**Đăk Nông**								
	TTYT huyện Đắk Glong								
	TTYT huyện Krông Nô								

	TTYT huyện Cư Jut	578/QĐ-SYT	06102022	06042024	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic, BDG YHCT	1388	236.730.687.300
	TTYT huyện Đắk Mil								
	TTYT huyện Đắk R'lấp								
	TTYT huyện Đắk Song								
	BVĐK tỉnh Đắk Nông								
	TTYT huyện Tuy Đức								
	TT kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk								
4	**Thái Bình**								
	BVĐK tỉnh	1002/QĐ-BV	08082022	22092022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	36	3.454.170.085
	BVĐK huyện Đông Hưng	266/QĐ-BVĐK	27072022	26072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	126	8.734.497.630
	BVĐK Hưng Nhân	128/QĐ-BVHN	12082022	14082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	8	662.230.000
	BVĐK Hưng Nhân	129/QĐ-BVHN	12082022	14082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	36	2.527.827.600
	BVĐK tỉnh	1102/QĐ-BV	23082022	22022023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	144	42.205.603.350
	BV Nhi	603/QĐ-BVN	24082022	23082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	4	3.120.599.000
	BV Nhi	604/QĐ-BVN	24082022	23082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	28	1.555.874.100
	BVĐK huyện Quỳnh Phụ	1328/QĐ-BVQP	25082022	25082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	118	16.504.858.400
	BVĐK tỉnh	1014/QĐ-BV	08082022	07022023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	BDG	27	6.675.969.000
	BVĐK tỉnh	1167/QĐ-BV	08092022	08102022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	1	91.440.000
	BV Phổi	136/QĐ-BVP	30082022	29082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	20	4.744.887.700
	BVĐK Hưng Hà	1338/QĐ-BVHH	15092022	14092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	99	12.056.547.000
	BVĐK Thái Thụy	280/QĐ-BVTT	12092022	11092022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	12	3.636.340.000
	BV Phục hồi chức năng	206/QĐ-BVPHCN	16092022	15092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	8	888.725.000
	BV Phục hồi chức năng	207/QĐ-BVPHCN	16092022	15092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	5	517.715.000
	BVĐK Hưng Hà	1136/QĐ-BVHH	24082022	23082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	18	3.057.580.000
	BVĐK huyện Đông Hưng	294/QĐ-BV	24082022	23082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	13	1.114.150.000
	BVĐK Thái Thụy	286/QĐ-BVTT	27092022	26092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	87	7.015.327.510
	BVĐK Thành Phố	2283/QĐ-BVĐK	17082022	16082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	99	8.403.054.310
	PK Ban BVSK cán bộ tỉnh	107/QĐ-BVSK	19102022	31122022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	31	1.215.614.040
	PK Ban BVSK cán bộ tỉnh	108/QĐ-BVSK	19102022	31122022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	BDG	46	1.045.319.866
	PK Ban BVSK cán bộ tỉnh	109/QĐ-BVSK	19102022	31122022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	4	180.475.000
	BVĐK Phụ Dực	1265/QĐ-BVPD	27092022	26092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	9	866.450.000
	BVĐK Phụ Dực	1295/QĐ-BVPD	04102022	03102023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	91	7.712.674.400
5	**Hải Phòng**								
	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	2903/QĐ-BVVT	06062022	06062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	49	26.324.900.452
	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	3297/QĐ-BVVT	04072022	04072023	ĐTRR qua mạng	TT15/2019/TT-BYT	Generic	1	93.000.000
	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	3754/QĐ-BVVT	28072022	28072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	BDG	4	275.607.100
	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	3942/QĐ-BVVT	16082022	16082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	21	7.314.798.672
	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	4214/QĐ-BVVT	05092022	05092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	3	554.720.000
	Bệnh viện Kiến An	856/QĐ-BVKA	21062022	20062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	12	3.878.782.000

	Bệnh viện Kiến An	803/QĐ-BVKA	13062022	12062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	BDG	19	2.231.805.104
	Bệnh viện Phổi Hải Phòng	560/QĐ-BVP	24052022	24052023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	BDG	1	497.191.200
	Bệnh viện Trẻ em	1074/QĐ-BVTE	22092022	21092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	BDG	2	6.742.524.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	571/QĐ-BVTN	31082022	Đến hết ngày 3	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	9	1.152.987.000
	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng	168/QĐ-TTYTTL	02082022	02082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	12	418.369.039
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng	189/QĐ-TGĐ	11082022	10082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	BDG	23	5.084.122.150
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng	204/QĐ-TGĐ	07092022	06092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	94	17.707.750.520
6	**Tiền Giang**								
	Bệnh viện Quân y 120	474/QĐ-BV	04072022	14012023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	1	1.117.620.000
	Bệnh viện Quân y 120	474/QĐ-BV	04072022	14012023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	1	519.520.000
	Bệnh viện Quân y 120	474/QĐ-BV	04072022	14012023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	1	67.500.000
	Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy	280/QĐ-TTHCL	01072022	11072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	17	879.971.000
7	**Bạc Liêu**								
	BVĐK tỉnh bạc Liêu	716/QĐ-BV	29092022	31122022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	2	151.200.000
	BVĐK tỉnh bạc Liêu	716/QĐ-BV	29092022	31122022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	8	223.862.500
	BVĐK tỉnh bạc Liêu	716/QĐ-BV	29092022	31122022	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	1	14.350.000
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	636/QĐ-BVTV2	12092022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	8	1.479.433.750
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	636/QĐ-BVTV2	12092022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	5	669.530.000
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	636/QĐ-BVTV2	12092022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	3	144.450.000
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	636/QĐ-BVTV2	12092022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	10	547.768.000
	BVĐK Thanh Vũ Medic	141/QĐ-BVTV	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	72	2.737.833.800
	BVĐK Thanh Vũ Medic	141/QĐ-BVTV	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	45	1.366.118.300
	BVĐK Thanh Vũ Medic	141/QĐ-BVTV	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	15	309.830.000
	BVĐK Thanh Vũ Medic	141/QĐ-BVTV	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	92	3.743.787.450
	BVĐK Thanh Vũ Medic	141/QĐ-BVTV	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	6	793.128.000
	BVĐK Thanh Vũ Medic	142/QĐ-BVTV	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	1	22.522.500
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	442/QĐ-BVTV2	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	160	8.415.549.570
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	442/QĐ-BVTV2	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	86	5.626.937.000
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	442/QĐ-BVTV2	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	19	820.943.000
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	442/QĐ-BVTV2	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	192	12.919.888.600
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	442/QĐ-BVTV2	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	9	1.523.432.260
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	443/QĐ-BVTV2	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	3	130.317.500
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	443/QĐ-BVTV2	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	1	6.400.000
	BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc L	443/QĐ-BVTV2	07072022	07072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	5	1.177.340.000
	BV Quân Dân Y	176/QĐ-BV	16062022	16062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	95	8.370.477.900

	BV Quân Dân Y	176/QĐ-BV	16062022	16062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	71	5.654.510.000
	BV Quân Dân Y	176/QĐ-BV	16062022	16062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	26	1.913.800.000
	BV Quân Dân Y	176/QĐ-BV	16062022	16062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	241	13.469.707.000
	BV Quân Dân Y	176/QĐ-BV	16062022	16062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	8	342.795.000
	BV Quân Dân Y	173/QĐ-BV	15062022	15062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	1	30.000.000
	BV Quân Dân Y	173/QĐ-BV	15062022	15062023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	53	3.561.000.000
8	**Bình Dương**								
	Bệnh viện Quân Y 4	331/QĐ-BV4	15072022	15072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	BDG	172	24.696.780.900
	Bệnh viện Quân Y 4	331/QĐ-BV4	15072022	15072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	279	31.585.149.000
	Bệnh viện Quân Y 4	331/QĐ-BV4	15072022	15072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	140	13.645.175.000
	Bệnh viện Quân Y 4	331/QĐ-BV4	15072022	15072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	50	7.558.135.000
	Bệnh viện Quân Y 4	331/QĐ-BV4	15072022	15072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	468	44.578.520.100
	Bệnh viện Quân Y 4	331/QĐ-BV4	15072022	15072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	26	2.253.554.000
	Bệnh viện Quân Y 4	331/QĐ-BV4	15072022	15072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Vị thuốc	90	2.954.834.650
	Bệnh viện Quân Y 4	331/QĐ-BV4	15072022	15072023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	86	10.641.469.000
9	**Long An**								
	Bệnh viện đa khoa tỉnh Long A	1221/QĐ-SYT	28092022	28092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	142	47.464.389.085
	Bệnh viện Y học cổ truyền Lon	507/QĐ-BV	13092022	13092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Chế phẩm YHCT	44	2.815.593.046
	Bệnh viện ĐKKV Cần Giuộc	689/QĐ-BVCG	27092022	27092023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	neric;Chế phẩm YH	417	62.204.276.010
	Trung Tâm Y tế huyện Cần Đu	1378/QĐ-TTYT	05082022	05082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	neric;Chế phẩm YH	183	18.198.951.593
	Bệnh viện Đa khoa Long An	3535/QĐ-BVĐKLA	05082022	05082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic; Chế phẩm Y	937	140.705.785.000
	Bệnh viện Tâm thần Long An	291/QĐ-BVTT	19082022	19082023	ĐTRR	TT15/2019/TT-BYT	Generic	37	9.634.202.000
10	**Thành phố Cần Thơ**								
	Bệnh viện Ung bướu thành phố	353/QĐ-BVUB	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	BDG	74	66.401.143.952
	Bệnh viện Ung bướu thành phố	353/QĐ-BVUB	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	100	21.512.051.271
	Bệnh viện Ung bướu thành phố	353/QĐ-BVUB	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	37	14.132.984.300
	Bệnh viện Ung bướu thành phố	353/QĐ-BVUB	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	2	14.140.000
	Bệnh viện Ung bướu thành phố	353/QĐ-BVUB	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	106	20.769.560.900
	Bệnh viện Ung bướu thành phố	353/QĐ-BVUB	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	23	20.454.727.383
	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	116/QĐ-TTYT	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	13	921.045.500
	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	116/QĐ-TTYT	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	2	3.120.000
	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	116/QĐ-TTYT	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	2	54.290.000
	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	116/QĐ-TTYT	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	76	2.219.958.900
	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	116/QĐ-TTYT	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	4	432.485.000
	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	117/QĐ-TTYT	06072022	06072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	33	1.593.192.000
	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Mô	472/QĐ-BVĐK	11072022	11072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	BDG	41	3.024.888.800
	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Mô	472/QĐ-BVĐK	11072022	11072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	69	9.012.004.150
	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Mô	472/QĐ-BVĐK	11072022	11072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	66	14.099.844.000
	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Mô	472/QĐ-BVĐK	11072022	11072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	20	7.132.800.000

	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Mô	472/QĐ-BVĐK	11072022	11072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	259	34.346.336.800
	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Mô	472/QĐ-BVĐK	11072022	11072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	15	8.616.272.000
	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Mô	472/QĐ-BVĐK	11072022	11072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	2	153.900.000
	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Mô	472/QĐ-BVĐK	11072022	11072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	63	8.689.465.500
	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Mô	472/QĐ-BVĐK	11072022	11072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	1	6.000.000
	Bệnh viện Tim mạch TP. Cần T	292/QĐ-BVTM	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	BDG	66	6.570.930.700
	Bệnh viện Tim mạch TP. Cần T	292/QĐ-BVTM	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	91	7.657.578.700
	Bệnh viện Tim mạch TP. Cần T	292/QĐ-BVTM	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	90	7.564.389.000
	Bệnh viện Tim mạch TP. Cần T	292/QĐ-BVTM	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	25	2.532.302.000
	Bệnh viện Tim mạch TP. Cần T	292/QĐ-BVTM	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	188	15.500.577.233
	Bệnh viện Tim mạch TP. Cần T	292/QĐ-BVTM	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	17	1.976.538.000
	Bệnh viện Tim mạch TP. Cần T	292/QĐ-BVTM	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	1	5.550.000
	Bệnh viện Tim mạch TP. Cần T	292/QĐ-BVTM	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	13	949.000.000
	Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Th	1019/QĐ-BVPS	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	BDG	25	829.778.498
	Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Th	1019/QĐ-BVPS	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	78	5.464.692.716
	Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Th	1019/QĐ-BVPS	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	21	1.193.480.021
	Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Th	1019/QĐ-BVPS	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	1	208.000
	Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Th	1019/QĐ-BVPS	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	34	1.678.204.870
	Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Th	1019/QĐ-BVPS	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	3	14.733.920
	Bệnh viện Huyết học - Truyền	309/QĐ-HHTM	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	BDG	17	10.822.984.150
	Bệnh viện Huyết học - Truyền	308/QĐ-HHTM	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	38	13.565.599.000
	Bệnh viện Huyết học - Truyền	308/QĐ-HHTM	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	15	6.866.952.000
	Bệnh viện Huyết học - Truyền	308/QĐ-HHTM	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	4	13.920.000
	Bệnh viện Huyết học - Truyền	308/QĐ-HHTM	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	59	2.621.192.580
	Bệnh viện Huyết học - Truyền	308/QĐ-HHTM	30062022	30062023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	9	2.794.980.900
	Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mặ	355a/QĐ.BVM-RHM	20072022	20072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	BDG	17	3.470.939.980
	Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mặ	355/QĐ.BVM-RHM	30072022	30072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	14	446.941.180
	Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mặ	355/QĐ.BVM-RHM	30072022	30072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	8	253.447.000
	Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mặ	355/QĐ.BVM-RHM	30072022	30072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	0	-
	Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mặ	355/QĐ.BVM-RHM	30072022	30072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	2	1.545.300
	Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mặ	355/QĐ.BVM-RHM	30072022	30072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	2	438.871.000
	Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. C	473/QĐ-BVTMH	22072022	22072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	BDG	16	571.540.990
	Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. C	472/QĐ-BVTMH	22072022	22072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	17	1.282.103.250
	Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. C	472/QĐ-BVTMH	22072022	22072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	11	323.654.000
	Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. C	472/QĐ-BVTMH	22072022	22072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	2	98.822.500
	Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. C	472/QĐ-BVTMH	22072022	22072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	23	281.636.100
	Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. C	472/QĐ-BVTMH	22072022	22072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic		
	Bệnh viện đa khoa quận Thốt N	83/QĐ-BVTN	28072022	28072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	50	4.257.695.776
	Bệnh viện đa khoa quận Thốt N	83/QĐ-BVTN	28072022	28072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	87	6.577.096.590

	Bệnh viện đa khoa quận Thốt N	83/QĐ-BVTN	28072022	28072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	18	1.822.825.000
	Bệnh viện đa khoa quận Thốt N	83/QĐ-BVTN	28072022	28072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	160	11.953.408.978
	Bệnh viện đa khoa quận Thốt N	83/QĐ-BVTN	28072022	28072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	10	1.338.306.000
	Bệnh viện đa khoa quận Thốt N	84/QĐ-BVTN	28072022	28072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	0	-
	Bệnh viện đa khoa quận Thốt N	84/QĐ-BVTN	28072022	28072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	32	2.084.390.000
	Trung tâm Y tế huyện Thới Lai	148/QĐ-TTYT	29072022	29072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	27	2.015.984.900
	Trung tâm Y tế huyện Thới Lai	148/QĐ-TTYT	29072022	29072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	31	3.724.374.000
	Trung tâm Y tế huyện Thới Lai	148/QĐ-TTYT	29072022	29072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	12	2.229.200.000
	Trung tâm Y tế huyện Thới Lai	148/QĐ-TTYT	29072022	29072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	136	12.946.730.500
	Trung tâm Y tế huyện Thới Lai	148/QĐ-TTYT	29072022	29072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	5	1.893.340.000
	Trung tâm Y tế huyện Thới Lai	149/QĐ-TTYT	29072022	29072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	0	-
	Trung tâm Y tế huyện Thới Lai	149/QĐ-TTYT	29072022	29072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	40	2.885.005.000
	Bệnh viện Tâm Thần TP Cần T	121/QĐ-BVTT	22082022	22082023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	0	-
	Bệnh viện Tâm Thần TP Cần T	121/QĐ-BVTT	22082022	22082023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	1	55.000.000
	Bệnh viện Tâm Thần TP Cần T	121/QĐ-BVTT	22082022	22082023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	1	115.500.000
	Bệnh viện Tâm Thần TP Cần T	121/QĐ-BVTT	22082022	22082023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	23	2.792.525.000
	Bệnh viện Tâm Thần TP Cần T	121/QĐ-BVTT	22082022	22082023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	2	595.800.000
	Bệnh viện Tâm Thần TP Cần T	121/QĐ-BVTT	22082022	22082023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	0	-
	Bệnh viện Tâm Thần TP Cần T	121/QĐ-BVTT	22082022	22082023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	3	1.242.630.000
	Bệnh viện đa khoa TP Cần Thơ	970/QĐ-BVĐKTP	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	45	10.315.936.000
	Bệnh viện đa khoa TP Cần Thơ	970/QĐ-BVĐKTP	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	56	22.533.337.500
	Bệnh viện đa khoa TP Cần Thơ	970/QĐ-BVĐKTP	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	11	3.277.340.000
	Bệnh viện đa khoa TP Cần Thơ	970/QĐ-BVĐKTP	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	149	49.496.360.300
	Bệnh viện đa khoa TP Cần Thơ	970/QĐ-BVĐKTP	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	18	11.866.386.000
	Trung tâm y tế quận Bình Thủy	103/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	16	495.325.950
	Trung tâm y tế quận Bình Thủy	103/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	25	644.433.500
	Trung tâm y tế quận Bình Thủy	103/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	12	470.723.000
	Trung tâm y tế quận Bình Thủy	103/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	105	3.956.596.500
	Trung tâm y tế quận Bình Thủy	103/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	6	870.256.000
	Trung tâm y tế quận Bình Thủy	103/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	2	52.780.000
	Trung tâm y tế quận Bình Thủy	103/QĐ-TTYT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	50	4.804.160.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh	70/QĐ-BVVT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	23	398.058.960
	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh	70/QĐ-BVVT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	20	498.524.300
	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh	70/QĐ-BVVT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	9	890.480.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh	70/QĐ-BVVT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	114	4.254.982.400
	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh	70/QĐ-BVVT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	2	117.000.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh	70/QĐ-BVVT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	2	30.780.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh	70/QĐ-BVVT	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	41	1.347.963.000
	Bệnh viện Quân dân y, TP Cần	768/QĐ-BVQDY	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	22	515.648.370

	Bệnh viện Quân dân y, TP Cần	768/QĐ-BVQDY	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	19	616.725.000
	Bệnh viện Quân dân y, TP Cần	768/QĐ-BVQDY	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	9	1.848.450.000
	Bệnh viện Quân dân y, TP Cần	768/QĐ-BVQDY	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	138	5.702.336.100
	Bệnh viện Quân dân y, TP Cần	768/QĐ-BVQDY	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	8	1.183.865.000
	Bệnh viện Quân dân y, TP Cần	768/QĐ-BVQDY	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	0	-
	Bệnh viện Quân dân y, TP Cần	768/QĐ-BVQDY	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	28	1.244.523.500
	Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ, T	162/QĐ-TTYT	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	5	595.061.000
	Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ, T	162/QĐ-TTYT	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	9	391.122.650
	Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ, T	162/QĐ-TTYT	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	3	112.330.000
	Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ, T	162/QĐ-TTYT	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	55	2.517.115.100
	Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ, T	162/QĐ-TTYT	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	2	59.880.000
	Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ, T	163/QĐ-TTYT	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	1	32.400.000
	Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ, T	163/QĐ-TTYT	30092022	30092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	20	368.495.000
11	**Trà Vinh**								
	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	559/QĐ-BVĐKTV, Q	22042022	22042023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	701	174.277.508.445
	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	522/QĐ-BVĐKTV	18042022	18042023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	77	8.878.195.540
	Trung tâm y tế huyện Càng Lo	106/QĐ-TTYT	16032022	16032023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	287	38.218.822.900
	Trung tâm y tế huyện Càng Lo	107/QĐ-TTYT	16032022	16032023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	49	11.221.914.000
	Trung tâm y tế huyện Càng Lo	108/QĐ-TTYT	16032022	16032023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Vị thuốc	26	329.364.000
	Trung tâm y tế huyện Cầu Kè	200/QĐ-TTYT	19082022	19082023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	116	10.182.559.428
	Trung tâm y tế huyện Cầu Kè	201/QĐ-TTYT	19082022	19082023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	34	5.103.490.000
	Bệnh viện đa khoa Khu vực Ti	353/QĐ-BVĐKKV	27072022	27072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	327	17.188.322.900
	Bệnh viện đa khoa Khu vực Ti	354/QĐ-BVĐKKV	27072022	27072023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	59	7.711.380.000
	Bệnh viện đa khoa khu vực Cầ	32/QĐ-BVĐK.KV	09052022	09052023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	328	26.803.364.750
	Bệnh viện đa khoa khu vực Cầ	31/QĐ-BVĐKKV	04052022	04052023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	36	7.042.725.000
	Bệnh viện đa khoa khu vực Cầ	30/QĐ-BVĐK.KV	20042022	20042023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Vị thuốc	28	209.301.750
	Bệnh viện Quân dân y tỉnh Trà	517/QĐ-BVQDY	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	175	13.969.000.000
	Bệnh viện Quân dân y tỉnh Trà	518/QĐ-BVQDY	06092022	06092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	25	1.374.380.000
	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Trà Vi	214/QĐ-BVSN	27052022	27052023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	162	26.400.249.660
	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Trà Vi	215/QĐ-BVSN	27052022	27052023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	BDG	3	1.437.084.000
	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Trà Vi	353/QĐ-BVSN	22092022	22092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	13	2.643.954.000
	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Trà Vi	354/QĐ-BVSN	22092022	22092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	1	762.000.000
	Bệnh viện Trường Đại Học Trà	297/QĐ-BVĐHTV	07092022	07092023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Generic	434	29.487.358.700
	Bệnh viện Trường Đại Học Trà	242/QĐ-BVĐHTV	25072022	25072022	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	Chế phẩm YHCT	59	2.906.070.000
12	**Bộ Y tế**								
	TTMSQG	2990/QĐ-BYT	02112022	24 tháng từ ng	ĐPG	Thông tư số 15/2019/T	BDG	19	4.380.560.125.152
13	**Bình Định**								
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Đ	7108/QĐ-BV	21092022	31032023	ĐTRR	Thông tư số 15/2019/T	BDG	158	48.683.263.455